BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP TP.HCM

DANH SÁCH DỰ THI XẾP LỚP TIẾNG ANH TOEIC
MÔN ĐỌC

Ngày thi: 8/27/2017 **Phòng thi:** B1.7
Giờ thi: 13h00 **Ca thi:** 3
Lớp học: CDCNTT18A+18D+CDTN18A+CDCNM18B +CDTKTR18/ **Lớp học phần:** 112708003

Ghi chú: Sinh viên có mặt trước giờ thi 15 phút

STT	Mã số	Họ đệm	Tên	Lớp học	Ngày sinh	Số máy	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
1	17082501	Lê Đình	Dương	CDCNTT18D	28/07/1999				
2	17086041	Nguyễn Hồng	Đức	CDCNTT18D	20/02/1991				
3	17085241	Nguyễn Quốc	Hảo	CDCNTT18D	15/11/1998				
4	17083521	Hồ Vinh	Hiển	CDCNTT18D	30/09/1998				
5	17010101	Nguyễn Thị	Hiệp	CDCNTT18D	19/06/1999				
6	17081191	Trần	Hoàng	CDCNTT18D	14/02/1997				
7	17096381	Trần Phước	Đạt	CDCNTT18D	09/12/1997				
8	17098191	Phan Đăng	Liêu	CDCNTT18D	07/06/1993				
9	17095771	Tạ Minh	Luân	CDCNTT18D	19/08/1997				
10	17099461	Đỗ Thị Hồng	Nhi	CDCNTT18D	07/08/1999				
11	17099451	Nguyễn Thành	Tân	CDCNTT18D	27/01/1998				
12	17093531	Đỗ Nguyễn Việt	Trung	CDCNTT18D	13/11/1999				
13	17045671	Trần Văn Quang	Minh	CDCNTT18D	17/10/1999				
14	17064511	Huỳnh Võ Hoàng	Nam	CDCNTT18D	22/06/1999				
15	17085031	Nguyễn Thái	Nam	CDCNTT18D	28/08/1998				
16	17053731	Phan Duy	Nghĩa	CDCNTT18D	17/10/1999				
17	17080841	Huỳnh Văn	Nhã	CDCNTT18D	11/03/1999				
18	17083231	Lê Phong	Nhã	CDCNTT18D	24/06/1999				
19	17082451	Lê Trung	Nhật	CDCNTT18D	25/09/1997				
20	17003221	La Ngô Hoàn	Phúc	CDCNTT18D	21/09/1999				
21	17080331	Nguyễn Thanh	Phụng	CDCNTT18D	26/11/1999				
22	17083661	Nguyễn Xuân	Quyền	CDCNTT18D	05/02/1999				
23	17083191	Hoàng Như	Tạo	CDCNTT18D	07/10/1999				

STT	Mã số	Họ đệm	Tên	Lớp học	Ngày sinh	Số máy	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
24	17078821	Nguyễn Nhựt	Thiện	CDCNTT18D	13/03/1999				
25	17078841	Ngô Quốc	Thống	CDCNTT18D	03/06/1999				
26	17080461	Nguyễn Ngọc	Thương	CDCNTT18D	24/03/1999				
27	17081571	Hà Dương	Tiền	CDCNTT18D	19/12/1999				
28	17084661	Hồ Nhuận	Triết	CDCNTT18D	30/12/1998				
29	17075301	Dương Hiển	Trung	CDCNTT18D	24/02/1998				
33	17103201	Nguyễn Thị Thi	Bình	CDCNTT18D	16/05/1999				
34	17100531	Phạm Trung	Hiếu	CDCNTT18D	13/05/1991				
35	17101761	Trần Anh	Tú	CDCNTT18D	26/10/1997				
30	17061011	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	CDTN18A	07/03/1999				
31	17086011	Nguyễn Thanh	Phương	CDTN18A	25/05/1999				
32	17080571	Trương Thị Lâm	Sa	CDTN18A	01/11/1999				
36	17101101	Nguyễn Văn	Lâm	CDCNM18B	07/07/1999				
37	17003221	La Ngô Hoàn	Phúc	CDCNTT18D	21/09/1999				
38	17103911	Vũ Thanh	Tùng	CDCNTT18D	04/03/1994				
39	17101761	Trần Anh	Tú	CDCNTT18D	26/10/1997				
40	17104761	Luân Thị	Hợp	CDCNM18B	21/03/1999				
41	17101101	Nguyễn Văn	Lâm	CDCNM18B	07/07/1999				
42	17007271	Nguyễn Thị Thanh	Thuỷ	CDTKTR18A	26/03/1999				
43	17003641	Bùi trần Anh	Bảo	CDCNTT18A	1/7/1999				
44	17002821	Võ Thái	Cương	CDCNTT18A	30/12/1999				
45	17004641	Huỳnh Thanh	Hải	CDCNTT18A	16/03/1999				
46	17003661	Trần Hoàng	Huy	CDCNTT18A	12/3/1998				
47	17002491	Nguyễn Văn	Khánh	CDCNTT18A	05/07/1999				
48	17002491	Nguyễn Văn Việt	Khánh	CDCNTT18A	5/7/1999				
49	17002141	Võ Đăng	Khuyết	CDCNTT18A	3/3/1999				
50	17008001	Mai Chí Quyết	Tháng	CDCNTT18A	1/9/1998				

Tổng số: 50 Số bài thi: …….

Số sinh viên có mặt: ……. Số tờ: .....

Số sinh viên vắng mặt:…….

Giám thị 1: Giám thị 2 Giám thị 3

(Họ tên và chữ ký) (Họ tên và chữ ký) (Họ tên và chữ ký)

STT	Mã số	Họ đệm	Tên	Lớp học	Ngày sinh	Số máy	Mã đề	Ký tên	Ghi chú

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP TP.HCM

INDUSTRIAL UNIVERSITY OF HOCHIMINH CITY

DANH SÁCH DỰ THI XẾP LỚP TIẾNG ANH TOEIC

Ngày thi: 8/30/2017 **Phòng thi:** B1.6
Giờ thi: 15h45 **Ca thi:** 4
Lớp học: CDCNTT18A+B+C+D+CNM18B **Lớp học phần:** 113008004

Ghi chú: Sinh viên có mặt trước giờ thi 15 phút

STT	Mã số	Họ đệm	Tên	Lớp học	Ngày sinh	Số máy	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
1	17006361	Đào Duy	Trân	CDCNTT18A	9/7/1998				
2	17007911	Nguyễn Hữu	Vinh	CDCNTT18A	26/06/1999				
3	17004901	Nguyễn Phúc	Võ	CDCNTT18A	26/10/1999				
4	17001641	Lê Trần Tường	Vũ	CDCNTT18A	06/05/1999				
5	17031971	Đặng Thị Trường	An	CDCNTT18B	1/3/1999				
6	17005351	Vũ Trọng	Đại	CDCNTT18B	21/07/1999				
7	17032511	Phạm Huy	Huy	CDCNTT18B	21/08/1999				
8	17009821	Lê Hữu	Khánh	CDCNTT18B	30/05/1999				
9	17035421	Phạm Đăng	Khoa	CDCNTT18B	21/08/1999				
10	17013981	Nguyễn Chí	Linh	CDCNTT18B	11/9/1999				
11	17021171	Đống Tấn	Lộc	CDCNTT18B	03/07/1999				
12	17028871	Lê Hoàng	Phúc	CDCNTT18B	17/09/1999				
13	17025981	Trịnh Hoàng	Thạch	CDCNTT18B	14/12/1999				
14	17056521	Nguyễn Duy	Đăng	CDCNTT18C	3/8/1999				
15	17060881	Nguyễn Bách Huy	Hoàng	CDCNTT18C	21/07/1999				
16	17006621	Phạm Văn	Khởi	CDCNTT18C	14/02/1999				
17	17078411	Lê Nhựt	Minh	CDCNTT18C	25/06/1999				
18	17048541	Nguyễn Hoài	Nam	CDCNTT18C	27/09/1999				
19	17064731	Trần Đức	Quân	CDCNTT18C	10/07/1999				
20	17020611	Nguyễn Lương Minh	Tâm	CDCNTT18C	23/06/1995				
21	17085491	Lầu Hoàng Hưng	Anh	CDCNTT18D	27/09/1999				
22	17083691	Nguyễn Chí	Bảo	CDCNTT18D	28/04/1999				
23	17090241	Nguyễn Bá	Đông	CDCNTT18D	16/01/1999				
24	17091891	Võ Hoàng	Duy	CDCNTT18D	08/05/1999				
25	17010101	Nguyễn Thị	Hiệp	CDCNTT18D	19/06/1999				
26	17091471	Trần Phương	Khánh	CDCNTT18D	2/9/1999				
27	17089741	Nguyễn Thị Trúc	Loan	CDCNTT18D	14/08/1999				
28	17098191	Phan Đăng	Lưu	CDCNTT18D	7/6/1993				
29	17093621	Trịnh Thị Thảo	Ngân	CDCNTT18D	18/07/1997				
30	17080841	Huỳnh Văn	Nhã	CDCNTT18D	11/03/1999				
31	17082451	Lê Trung	Nhật	CDCNTT18D	25/09/1997				
32	17095211	Võ Thế	Sơn	CDCNTT18D	17/08/1999				
33	17092831	Nguyễn Trung	Thành	CDCNTT18D	27/03/1999				
34	17084661	Hồ Nhuận	Thiết	CDCNTT18D	30/12/1998				
35	17092061	Vũ Tiến	Tuấn	CDCNTT18D	4/2/1999				

STT	Mã số	Họ đệm	Tên	Lớp học	Ngày sinh	Số máy	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
36	17108571	Nguyễn Long	Việt	CDCNTT18D	20/04/1999				
37	17005381	Đỗ Thị Ngọc	ánh	CDCNM18B					
38	17032021	Trần Thị Thu	Ba	CDCNM18B					
39	17077681	Đào Thị Ngọc	Châu	CDCNM18B					
40	17089331	Trần Tấn	Đạt	CDCNM18B					
41	17084481	Trần Thị Phi	Diệu	CDCNM18B					
42	17035201	Nguyễn Thị Thùy	Dương	CDCNM18B					
43	17094071	Trần Thị Ngọc	Duyên	CDCNM18B					
44	17089321	Nguyễn Văn	Hoàng	CDCNM18B					
45	17104761	Luân Thị	Hợp	CDCNM18B					
46	17092441	Hoàng Đình	Hùng	CDCNM18B					
47	17091141	Nguyễn Ngọc	Linh	CDCNM18B					
48	17080431	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	CDCNM18B					
49	17086781	Trần Thị Diệu	Linh	CDCNM18B					
50	17082091	Võ Thị	Linh	CDCNM18B					

Tổng số: 50 Số bài thi: …….

Số sinh viên có mặt: ……. Số tờ: .....

Số sinh viên vắng mặt:…….

Giám thị 1: Giám thị 2 Giám thị 3

(Họ tên và chữ ký) (Họ tên và chữ ký) (Họ tên và chữ ký)

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP TP.HCM

INDUSTRIAL UNIVERSITY OF HOCHIMINH CITY

DANH SÁCH DỰ THI XẾP LỚP TIẾNG ANH TOEIC

Ngày thi: 8/30/2017 **Phòng thi:** B1.7

Giờ thi: 15h45 **Ca thi:** 4

Lớp học: CDCNM18B **Lớp học phần:** 113008004

Ghi chú: Sinh viên có mặt trước giờ thi 15 phút

STT	Mã số	Họ đệm	Tên	Lớp học	Ngày sinh	Số máy	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
1	17078781	Vũ Thị Mỹ	Linh	CDCNM18B					
2	17092401	Trần Thị Lưu	Ly	CDCNM18B					
3	17078641	Chu Thị	Mai	CDCNM18B					
4	17080921	Huỳnh Thị Trà	My	CDCNM18B					
5	17063201	Phan Thị Ngọc	Mỹ	CDCNM18B					
6	17083221	Mai Thị	Ngọc	CDCNM18B					
7	17080221	Lại Quỳnh	Như	CDCNM18B					
8	17090001	Nguyễn Thị Mỹ	Như	CDCNM18B					
9	17089861	Huỳnh Kim	Quí	CDCNM18B					
10	17103861	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	CDCNM18B					
11	17080261	Lê Kim	Thanh	CDCNM18B					
12	17087231	Phạm Thị Thu	Thảo	CDCNM18B					
13	17094061	Nguyễn Trần Anh	Thư	CDCNM18B					
14	17084771	Trần Thị	Thuý	CDCNM18B					

STT	Mã số	Họ đệm	Tên	Lớp học	Ngày sinh	Số máy	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
15	17054021	Hoàng Thị Thanh	Trà	CDCNM18B					
16	17052401	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	CDCNM18B					
17	17094221	Nguyễn Thị Thanh	Vân	CDCNM18B					
18	17050561	Nguyễn Thị Thúy	Vi	CDCNM18B					
19	17087781	Phạm Thị Lan	Vy	CDCNM18B					
20	17085021	Trần Thị	Quỳnh	CDCNM18B	12/12/1995				
21	17020041	Nguyễn Thị Hiền	Nhật	CDCNM18A					
22	17016731	Lê Thị Mỹ	Hà	CDCNM18A					
23	17007561	Lương Thị Mỹ	Hạnh	CDCNM18A					
24	17007551	Lê Vũ Hồng	Liên	CDCNM18A					
25									
26									
27									
28									
29									
30									
31									
32									
33									
34									
35									
36									
37									
38									
39									
40									
41									
42									
43									
44									
45									
46									
47									
48									
49									
50									

Tổng số: 24

Số bài thi: …….

Số sinh viên có mặt: ……

Số tờ: .....

Số sinh viên vắng mặt:…….

Giám thị 1:
(Họ tên và chữ ký)

Giám thị 2
(Họ tên và chữ ký)

Giám thị 3
(Họ tên và chữ ký)

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP TP.HCM

INDUSTRIAL UNIVERSITY OF HOCHIMINH CITY

DANH SÁCH DỰ THI XẾP LỚP TIẾNG ANH TOEIC

Ngày thi: 8/28/2017 **Phòng thi:** B1.6

Giờ thi: 15h45 **Ca thi:** 4

Lớp học: DHTR13C+DHSH13B+DHTP13D **Lớp học phần:** 212808004

Ghi chú: Sinh viên có mặt trước giờ thi 15 phút

STT	Mã số	Họ đệm	Tên	Lớp học	Ngày sinh	Số máy	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
1	17105441	Tạ Thị Lan	Huyền	DHTR13C	21/02/1999				
2	17105281	Danh Thị Tuyết	Nhi	DHTR13C	19/10/1998				
3	17106121	Nguyễn Thị	Thương	DHTR13C	12/07/1999				
4	17107721	Trần Thành	Đạt	DHSH13B	06/05/1999				
5	17106631	Lê Văn	Hào	DHSH13B	20/05/1997				
6	17107761	Trương Nguyễn Bảo	Hân	DHSH13B	23/07/1999				
7	17107461	Nguyễn Thị	Tâm	DHSH13B	18/06/1999				
8	17107241	Nguyễn Huỳnh Mai	Thư	DHSH13B	06/08/1998				
9	17106661	Đặng Thị Hoài	Thương	DHSH13B	10/01/1999				
10	17106521	Nguyễn Thị Phương	Thương	DHSH13B	04/08/1999				
11	17107321	Trần Thị	Châu	DHTP13D	22/10/1999				
12	17105881	Nguyễn Thị Kim	Chi	DHTP13D	12/10/1999				
13	17104271	Nguyễn Thị Thu	Hồng	DHTP13D	10/09/1999				
14	17104731	Lê Thị Thúy	Huy	DHTP13D	15/06/1999				
15	17100501	Trần Thị Ngọc	Huyền	DHTP13D	04/10/1999				
16	17107841	Lê Thị Thanh	Hương	DHTP13D	15/01/1998				
17	17107411	Trịnh Xuân	Kiều	DHTP13D	24/02/1998				
18	17104471	Bùi Thị	Lang	DHTP13D	25/02/1999				
19	17105911	Lê Thị Hồng	Loan	DHTP13D	14/04/1999				
20	17106851	Hồ Bảo	Ngọc	DHTP13D	27/07/1999				
21	17107111	Phạm Thị	Nhung	DHTP13D	14/09/1999				
22	17104501	Nguyễn Thái	Phương	DHTP13D	11/09/1999				
23	17104791	Đặng Bảo	Tân	DHTP13D	27/08/1999				
24	17104411	Cai Quang	Thạch	DHTP13D	21/10/1999				
25	17100861	Huỳnh Tuyết	Thy	DHTP13D	05/12/1999				
26	17106241	Hoàng Thị Thùy	Trang	DHTP13D	13/08/1999				
27	17105761	Nguyễn Thu	Trang	DHTP13D	24/10/1999				
28	17090791	Lê Hoàng	Linh	DHTH13F	5/20/1999				
29	17106561	Nguyễn Vũ Anh	Minh	DHTH13C	3/14/1999				
30	17107261	Chu Phan	Phấn	DHTH13A	9/6/1998				
31	17107191	Đỗ Quyết Kiều	Quang	DHTH13A	09/05/1999				
32	17106081	Phạm Thanh	Qúy	DHTH13A	23/05/1999				
33	17107521	Dương Văn	Thắng	DHTH13A	8/1/1997				
34	17106591	Lê Chí	Bảo	DHTH13B	28/08/1999				
35	17106301	Đỗ Anh	Bên	DHTH13B	25/11/1999				
36	17106981	Văn Hữu Trí	Công	DHTH13B	19/04/1998				
37	17105941	Đào Bá	Công	DHTH13B	19/11/1999				
38	17106981	Văn Hữu Trí	Công	DHTH13B	19/04/1998				
39	17102371	Mạc Thúy	Hằng	DHTH13B	16/02/1999				
40	17106891	Lê Văn	Hiếu	DHTH13B	13/02/1999				

STT	Mã số	Họ đệm	Tên	Lớp học	Ngày sinh	Số máy	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
41	17102171	Võ Thanh	Hưng	DHTH13B	01/09/1999				
42	17106401	Nguyễn Hoàng	Hữu	DHTH13B	1/3/1999				
43	17024341	DĐỗ Đức	Minh	DHTH13B	15/11/1999				
44	17106821	Phan Hoài	Khoa	DHTH13C	21/05/1999				
45	17105661	Nguyễn Thị	Minh	DHTH13C	26/03/1999				
46	17105661	Nguyễn Thị	Minh	DHTH13C	26/03/1999				
47	17106831	Nguyễn Tài Quang	Nhật	DHTH13C	30/10/1999				
48	17106431	Võ Thị Tú	Oanh	DHTH13C	22/11/1999				
49	17057751	Đỗ Hữu Tuấn	Anh	DHTH13D	30/01/1999				
50	17060101	Nguyễn Văn	Chiến	DHTH13D	9/4/1999				

Tổng số: 50 Số bài thi: …….

Số sinh viên có mặt: ……. Số tờ: .....

Số sinh viên vắng mặt:…….

Giám thị 1: Giám thị 2 Giám thị 3

(Họ tên và chữ ký) (Họ tên và chữ ký) (Họ tên và chữ ký)

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP TP.HCM

INDUSTRIAL UNIVERSITY OF HOCHIMINH CITY

DANH SÁCH DỰ THI XẾP LỚP TIẾNG ANH TOEIC

Ngày thi: 8/30/2017 **Phòng thi:** B1.5

Giờ thi: 15h45 **Ca thi:** 4

Lớp học: DHTKTR13A+DHTR13A+13C **Lớp học phần:** 213008004

Ghi chú: Sinh viên có mặt trước giờ thi 15 phút

STT	Mã số	Họ đệm	Tên	Lớp học	Ngày sinh	Số máy	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
1	17070901	Đỗ Minh	Cang	DHTKTR13A					
2	17101081	Nguyễn Linh	Chi	DHTKTR13A					
3	17101211	Nguyễn Thị Linh	Chi	DHTKTR13A					
4	17103631	Nguyễn Thùy Ngọc	Đạt	DHTKTR13A					
5	17052351	Phạm Thị Xuân	Diễm	DHTKTR13A					
6	17100791	Nguyễn Nhật	Duy	DHTKTR13A					
7	17098201	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	DHTKTR13A					
8	17102501	Lê Ngàn	Hân	DHTKTR13A					
9	17096631	Lê Thị Nguyệt	Hằng	DHTKTR13A					
10	17046061	Phạm Thị	Hằng	DHTKTR13A					
11	17105631	Nguyễn Phạm Thu	Hiền	DHTKTR13A					
12	17015821	Bùi Thị	Huế	DHTKTR13A					
13	17086061	Cao Hà Quang	Huy	DHTKTR13A					
14	17089031	Đỗ Tô Thị Vương	Linh	DHTKTR13A					
15	17094381	Nguyễn Khánh	Linh	DHTKTR13A					
16	17068671	Dương Thị	Loan	DHTKTR13A					
17	17094211	Trần Thị Ngọc	Luyến	DHTKTR13A					
18	17081811	Trần Thị Hoài	My	DHTKTR13A					

STT	Mã số	Họ đệm	Tên	Lớp học	Ngày sinh	Số máy	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
19	17103721	Vũ Thị	Na	DHTKTR13A					
20	17085961	Đỗ Thị	Nga	DHTKTR13A					
21	17086431	Huỳnh Thị Yến	Nhi	DHTKTR13A					
22	17098111	Lê Thị Huỳnh	Như	DHTKTR13A					
23	17072941	Trần Việt Minh	Quân	DHTKTR13A					
24	17076681	Nhữ Tấn	Sang	DHTKTR13A					
25	17097741	Nguyễn Lê Minh	Tân	DHTKTR13A					
26	17085831	Vương Thị Ngọc	Thảo	DHTKTR13A					
27	17107611	Hoàng Đặng Thiên	Thư	DHTKTR13A					
28	17106131	Trần Tình	Thương	DHTKTR13A					
29	17099771	Nguyễn Cao Minh	Thùy	DHTKTR13A					
30	17094591	Lê Đặng Thanh	Thủy	DHTKTR13A					
31	17089011	Nguyễn Thị Yến	Viên	DHTKTR13A					
32	17099901	Nguyễn Thúy	Vy	DHTKTR13A					
33	17086571	Nguyễn Long Hoàng	Yến	DHTKTR13A					
34	17022611	Vương Thị Kim	Chi	DHTR13A					
35	17022491	Hồng Bảo	Ngọc	DHTR13A					
36	17025161	Trần Thị	Giang	DHTR13A					
37	17024111	Nguyễn Thị Hải	Nhi	DHTR13A					
38	17101871	Vũ Thị Thái	Anh	DHTR13C					
39	17103521	Nguyễn Thị	ánh	DHTR13C					
40	17087001	Phạm Thị Thu	Hảo	DHTR13C					
41	17087501	Hoàng Thị	Hoa	DHTR13C					
42	17083001	Lê Thị Mỹ	Hoa	DHTR13C					
43	17077421	Vũ Thị	Hồng	DHTR13C					
44	17084121	Phạm Thị	Hương	DHTR13C					
45	17094951	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	DHTR13C					
46	17105441	Tạ Thị Lan	Huyền	DHTR13C					
47	17082331	Phạm Thị Thanh	Lan	DHTR13C					
48	17099151	Phan Du	Mỹ	DHTR13C					
49	17080671	Nguyễn Thị Thúy	Nguyên	DHTR13C					
50	17105281	Danh Thị Tuyết	Nhi	DHTR13C					

Tổng số: 50

Số bài thi: …….

Số sinh viên có mặt: ……

Số tờ: .....

Số sinh viên vắng mặt:……

Giám thị 1:
(Họ tên và chữ ký)

Giám thị 2
(Họ tên và chữ ký)

Giám thị 3
(Họ tên và chữ ký)